TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Ông Lê Thanh Khởi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1992; cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Vào tháng 11 năm 2010, chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78, quyển số 01 ngày 26 tháng 11 năm 2010. Sau khi kết hôn, chị P về chung sống với anh T tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị P, anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm

2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu dẫn đến vợ, chồng cãi vã nhau làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị P và anh T không còn sống chung từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị P và anh T có một con chung tên Nguyễn Thị Lam P1, sinh ngày 15/6/2012, hiện nay cháu P1 đang sống chung với chị P.

Về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có.

Nay chị Trần Thị P yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Lam P1, sinh ngày 15/6/2012 đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P1.

- Về tài sản chung: Chị P và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 244/TB-TLVA ngày 16 tháng 7 năm 2018, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn T, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được lưu hồ sơ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Nguyễn Thị Lam P1, sinh ngày 15/6/2012 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị P cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; anh Nguyễn Văn T cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung. Chị P đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị P nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị P đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Trần Thị P là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01 ngày 26 tháng 11 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Trần Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị P, anh T hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, vợ, chồng thường hay cãi vã làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 02 năm 2018, thì chị P, anh T không còn sống chung cho đến nay và chị P, anh T đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[5] Về con chung: Tại phiên toà sơ thẩm, chị P yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Lam P1, sinh ngày 15/6/2012 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay cháu P1 đều do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm cháu P1 gắn bó với chị P nhiều hơn và cũng để cho cháu P1 ổn định cuộc sống nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Lam P1, sinh ngày 15/6/2012 cho chị P nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P1 đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Trần Thị P.

[8] Về tài sản chung: Chị Trần Thị P tự thỏa thuận với anh Nguyễn Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[9] Về nợ chung: Chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị Trần Thị P là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lam P1, sinh ngày 15/6/2012 cho chị Trần Thị P nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị P.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị P tự thỏa thuận với anh Nguyễn Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

5. Về nợ chung: Chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0000073 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Trần Thị P đã nộp xong án phí.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện M;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn